

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 201

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Truy vấn dữ liệu là gì?

- A. Là việc tìm kiếm, sắp xếp và kết xuất dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng theo điều kiện.
- B. Là việc thay đổi cấu trúc của các trường trong bảng.
- C. Là quá trình nhập dữ liệu mới vào bảng.
- D. Là việc tạo ra các liên kết giữa các bảng trong CSDL.

Câu 2. Điều kiện cần thiết để thiết lập liên kết giữa hai bảng là:

- A. Hai bảng phải được tạo cùng một thời điểm.
- B. Hai bảng phải có ít nhất một trường chung có cùng kiểu dữ liệu.
- C. Hai bảng phải có tên gọi gần giống nhau.
- D. Hai bảng phải có cùng số lượng bản ghi.

Câu 3. Khi sử dụng công cụ Query Design để thiết kế truy vấn, thao tác nào sau đây được dùng để thực hiện việc chọn nguồn dữ liệu?

- A. Sử dụng lệnh Save để lưu lại danh sách các trường dữ liệu hiện có.
- B. Sử dụng lệnh Print Preview để xem trước các bảng dữ liệu có trong máy.
- C. Sử dụng lệnh Format để thay đổi kiểu hiển thị của các bản ghi dữ liệu.
- D. Sử dụng hộp thoại Add Tables để chọn các bảng hoặc truy vấn cần thiết.

Câu 4. Bạn đang thiết kế Query để tìm các cuốn sách của tác giả "Tô Hoài". Tại dòng "Criteria" của cột "Tác giả", cách nhập nào sau đây là đúng quy định của Access đối với dữ liệu kiểu văn bản?

- A. [Tô Hoài]
- B. "Tô Hoài"
- C. Tô Hoài
- D. = Tô Hoài

Câu 5. Thành phần nào trên biểu mẫu thường dùng để hiển thị tiêu đề tĩnh (không thay đổi)?

- A. Check Box.
- B. Combo Box.
- C. Text Box.
- D. Label.

Câu 6. Tại sao trường "Số thẻ căn cước" nên được thiết lập là kiểu Short Text thay vì Number?

- A. Để tiết kiệm bộ nhớ lưu trữ.
- B. Vì không dùng để tính toán và có thể chứa các ký số bắt đầu bằng 0.
- C. Vì số thẻ căn cước có độ dài không cố định.
- D. Để hệ thống tự động tăng giá trị.

Câu 7. Để liên kết bảng TAC_GIA và bảng SACH, ta thực hiện thao tác nào trong cửa sổ Relationships?

- A. Kéo thả khóa chính MaTG từ bảng TAC_GIA sang trường MaTG ở bảng SACH.
- B. Nhấp chuột phải vào bảng SACH chọn Link.
- C. Kéo bảng SACH đè lên bảng TAC_GIA.
- D. Viết câu lệnh SQL LINK TAC_GIA TO SACH.

Câu 8. Để lưu trữ thông tin về một mặt hàng bao gồm: Mã hàng (PK), Tên hàng, Đơn giá, Số lượng. Bạn nên thiết lập kiểu dữ liệu tương ứng lần lượt là:

- A. Number, Short Text, Short Text, Currency.
- B. Short Text, Number, Number, Currency.
- C. AutoNumber, Long Text, Currency, Short Text.
- D. Short Text, Short Text, Currency, Number.

Câu 9. Khi tạo bảng trong phần mềm CSDL, kiểu dữ liệu nào thường được dùng để lưu trữ ngày sinh của học sinh?

- A. Currency.
- B. Number.
- C. Date/Time.
- D. Short Text.

Câu 10. Liên kết giữa bảng LOP (Mã lớp là PK) và bảng HOC_SINH (Mã lớp là FK) thường là loại liên kết nào?

- A. Liên kết 1 - nhiều (1-n).
- B. Liên kết nhiều - nhiều (n-n).
- C. Liên kết vòng.
- D. Liên kết 1 - 1.

Câu 11. Câu lệnh SQL nào sau đây được dùng để lấy ra trường [Họ tên HS] từ bảng có tên là 'HOC_SINH'?

- A. GET [Họ tên HS] FROM HOC_SINH
- B. SELECT ALL HOC_SINH
- C. FIND [Họ tên HS] IN HOC_SINH
- D. SELECT [Họ tên HS] FROM HOC_SINH

Câu 12. Khi thiết kế biểu mẫu nhập liệu cho bảng "Diem_Thi", để đảm bảo giáo viên chỉ nhập điểm từ 0 đến 10, bạn nên sử dụng thuộc tính nào của ô nhập liệu?

- A. Input Mask.
- B. Validation Rule.
- C. Default Value.
- D. Format.

Câu 13. Biểu tượng nào thường xuất hiện trên đường liên kết giữa hai bảng để thể hiện mối quan hệ Một - Nhiều trong Microsoft Access?

- A. Một dấu * và một dấu #.
- B. Hai ký hiệu vô cực ở hai đầu.
- C. Số 1 và ký hiệu vô cực
- D. Hai số 1 ở hai đầu đường kẻ.

Câu 14. Khi tạo bảng trong CSDL, bước đầu tiên người dùng cần thực hiện là gì?

- A. In ấn các biểu mẫu nhập liệu cho bảng.
- B. Thiết kế cấu trúc các trường và kiểu dữ liệu.
- C. Thiết lập mối liên kết giữa các bảng.
- D. Nhập các bản ghi dữ liệu vào bảng.

Câu 15. Điểm khác biệt lớn nhất giữa chế độ Design View và Form View của một biểu mẫu là gì?

- A. Không có sự khác biệt về chức năng giữa hai chế độ này.
- B. Design View dùng để thiết kế cấu trúc, Form View dùng để làm việc với dữ liệu.
- C. Form View cho phép thay đổi font chữ, Design View thì không.
- D. Design View dùng để nhập liệu, Form View dùng để in ấn.

Câu 16. Bạn có bảng LOP (MaLop là khóa chính) và bảng HOC_SINH (MaLop là khóa ngoài). Khi thiết lập liên kết, việc chọn "Enforce Referential Integrity" sẽ giúp ích gì?

- A. Tự động sắp xếp học sinh theo thứ tự tên trong bảng.
- B. Giúp tăng tốc độ mở bảng khi dữ liệu quá lớn.
- C. Ngăn chặn việc nhập một học sinh vào một lớp không tồn tại.
- D. Tự động xóa bảng LOP khi bảng HOC_SINH thay đổi.

Câu 17. Trong CSDL, một hàng của bảng được gọi là gì?

- A. Bản ghi (Record).
- B. Kiểu dữ liệu (Data Type).
- C. Thuộc tính (Attribute).
- D. Trường (Field).

Câu 18. Bạn thiết kế CSDL quản lý thư viện. Bảng SACH có trường NamXuatBan. Kiểu dữ liệu và ràng buộc nào là tối ưu?

- A. Number, giá trị phải lớn hơn 0.
- B. Short Text, độ dài tối đa 4.
- C. Date/Time, định dạng "yyyy".
- D. Cả A và C đều có thể áp dụng tùy theo mục đích thống kê.

Câu 19. Trong mô hình dữ liệu quan hệ, 'khóa ngoài' (foreign key) đóng vai trò gì?

- A. Là trường dữ liệu bắt buộc phải nhập số nguyên.
- B. Dùng để thay thế hoàn toàn cho khóa chính của bảng hiện tại.
- C. Dùng để liên kết dữ liệu giữa hai bảng thông qua việc tham chiếu đến khóa chính của bảng khác.
- D. Dùng để mã hóa dữ liệu giúp tăng cường bảo mật thông tin.

Câu 20. Trong câu lệnh SQL cơ bản, mệnh đề 'WHERE' được sử dụng nhằm mục đích gì?

- A. Thiết lập các điều kiện để lọc ra những bản ghi thỏa mãn yêu cầu.
- B. Sắp xếp thứ tự hiển thị của các bản ghi từ thấp đến cao.
- C. Chỉ định tên các bảng chứa dữ liệu cần truy xuất.
- D. Xác định danh sách các cột sẽ xuất hiện trong kết quả.

Câu 21. Khóa ngoài (Foreign Key) dùng để làm gì?

- A. Dùng để thiết lập liên kết giữa các bảng.
- B. Dùng để thay thế khóa chính khi khóa chính bị mất.
- C. Dùng để mã hóa dữ liệu của bảng.
- D. Dùng để xóa các bản ghi trùng lặp.

Câu 22. Trong cửa sổ thiết kế truy vấn (Query Design) của Microsoft Access, nguồn dữ liệu dùng để tạo một truy vấn mới có thể là những đối tượng nào?

- A. Chỉ bao gồm các biểu mẫu (Forms) đã được thiết kế sẵn.
- B. Chỉ bao gồm các báo cáo (Reports) đã được kết xuất dữ liệu.
- C. Bao gồm các bảng (Tables) hoặc các truy vấn (Queries) khác.
- D. Chỉ bao gồm các bảng (Tables) có trong cơ sở dữ liệu.

Câu 23. Bạn đang thiết kế một truy vấn để tìm các mặt hàng có "Số lượng tồn" dưới 10 hoặc "Đơn giá" lớn hơn 5.000.000 trong bảng. Bạn nên đặt các điều kiện này như thế nào trong lưới thiết kế (Design Grid)?

- A. Nhập cả hai điều kiện trên cùng một dòng Criteria của hai trường tương ứng.
- B. Nhập điều kiện <10 ở dòng Or và điều kiện >5000000 ở dòng Criteria.
- C. Nhập điều kiện <10 ở dòng Criteria và điều kiện >5000000 ở dòng Or.
- D. Cả phương án B và C đều cho ra kết quả đúng theo yêu cầu bài toán

Câu 24. Biểu mẫu (Form) trong CSDL có vai trò chủ yếu là:

- A. Thực hiện các phép tính toán phức tạp giữa các bảng.
- B. Dùng để in ấn dữ liệu ra giấy.
- C. Tạo giao diện thuận tiện để nhập, sửa đổi và hiển thị dữ liệu.
- D. Lưu trữ dữ liệu lâu dài thay cho bảng.

Câu 25. Khi tạo biểu mẫu nhập liệu cho bảng có khóa ngoài, điều khiển nào giúp người dùng chọn giá trị từ danh sách có sẵn thay vì nhập tay?

- A. Label.
- B. Command Button.
- C. Combo Box (Hộp kết hợp).
- D. Image Control.

Câu 26. Giả sử bạn cần tạo một truy vấn để tìm các quyển sách có DonGia từ 50000 đến 100000. Tại dòng Criteria của cột DonGia, bạn nhập điều kiện nào?

A. ≥ 50000 OR ≤ 100000

B. BETWEEN 50000 AND 100000

C. IN (50000, 100000)

D. > 50000 AND < 100000

Câu 27. Khi thực hiện lọc dữ liệu trong một truy vấn với điều kiện kết hợp bằng từ khóa AND giữa hai trường, kết quả trả về sẽ bao gồm các bản ghi nào?

A. Các bản ghi chỉ cần thỏa mãn một trong hai điều kiện đã thiết lập.

B. Các bản ghi đồng thời thỏa mãn cả hai điều kiện đã thiết lập.

C. Tất cả các bản ghi có trong bảng dữ liệu nguồn mà không cần điều kiện.

D. Các bản ghi không thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào trong hai điều kiện đó.

Câu 28. Mục đích chính của việc thiết lập khóa chính cho một bảng là:

A. Để bảng có thể chứa nhiều dữ liệu hơn.

B. Để phân biệt duy nhất mỗi bản ghi trong bảng.

C. Để bảo mật nội dung của bảng dữ liệu.

D. Để tự động sắp xếp dữ liệu theo thứ tự bảng chữ cái.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Cho bảng MUON_SACH gồm các trường: MaMuon (Khóa chính), MaSach (Khóa ngoài), NgayMuon, SoLuong. Xét các phát biểu sau:

A. Trường MaMuon có thể nhận giá trị trùng nhau nếu các bản ghi đó cùng ngày mượn.

B. Trường MaSach dùng để liên kết với bảng SACH.

C. Một bảng bắt buộc phải có ít nhất hai khóa chính.

D. Khóa chính giúp đảm bảo tính toàn vẹn và định danh duy nhất cho mỗi lượt mượn sách.

Câu 2 Khi tìm hiểu về khái niệm và mục đích của truy vấn (Query) trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access, các nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

A. Truy vấn dữ liệu là quá trình xóa bỏ vĩnh viễn các bản ghi không cần thiết trong các bảng nguồn.

B. Một trong những mục đích chính của truy vấn là lọc ra các bản ghi thỏa mãn những điều kiện nhất định.

C. Truy vấn dữ liệu có thể thực hiện các phép tính toán như tính tổng, trung bình cộng từ dữ liệu của các trường.

D. Kết quả của một truy vấn luôn được lưu trữ thành một bảng dữ liệu vật lý độc lập và không thay đổi khi dữ liệu nguồn thay đổi.

Câu 3: Trong quá trình thiết lập liên kết (Relationships) giữa bảng TAC_GIA và bảng SACH trong phần mềm CSDL:

A. Bạn có thể thiết lập liên kết ngay cả khi hai bảng không có trường chung.

B. Liên kết giúp đảm bảo rằng không thể nhập mã tác giả vào bảng SACH nếu mã đó chưa tồn tại trong bảng TAC_GIA (nếu bật Enforce Referential Integrity).

C. Thao tác thiết lập liên kết được thực hiện bằng cách kéo thả trường chung từ bảng này sang bảng kia.

D. Sau khi đã thiết lập liên kết, bạn không thể thay đổi kiểu dữ liệu của các trường tham gia liên kết đó trừ khi xóa liên kết.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 202

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây mô tả đúng về mối liên kết một - một (1-1) giữa hai bảng A và B?

- A. Nhiều bản ghi ở bảng A có thể cùng liên kết với một bản ghi duy nhất ở bảng B.
- B. Các bản ghi ở hai bảng không cần có trường chung nhưng vẫn có thể liên kết.
- C. Một bản ghi ở bảng A chỉ liên kết với tối đa một bản ghi ở bảng B và ngược lại.
- D. Một bản ghi ở bảng A liên kết với nhiều bản ghi ở bảng B để tối ưu hóa dữ liệu.

Câu 2. Để tạo một nút nhấn trên biểu mẫu nhằm đóng biểu mẫu đó, bạn sử dụng công cụ nào?

- A. Subform. B. Combo Box. C. Label. D. Command Button.

Câu 3. Trong câu lệnh SQL: SELECT HoTen FROM HOC_SINH WHERE MaHS = 1, thành phần WHERE đóng vai trò gì?

- A. Xác định thứ tự sắp xếp các bản ghi kết quả.
- B. Xác định điều kiện để lọc các bản ghi phù hợp.
- C. Xác định nguồn bảng chứa dữ liệu cần truy vấn.
- D. Xác định các trường dữ liệu cần hiển thị.

Câu 4. Đối tượng 'Biểu mẫu' (Form) trong cơ sở dữ liệu quan hệ chủ yếu phục vụ mục đích gì?

- A. Tính toán các số liệu thống kê phức tạp để in ra giấy.
- B. Tạo giao diện thuận tiện cho việc nhập, sửa đổi và hiển thị dữ liệu.
- C. Thiết lập các quyền truy cập hệ thống cho quản trị viên.
- D. Lưu trữ dữ liệu vĩnh viễn trong bộ nhớ máy tính.

Câu 5. Thư viện cần quản lý thêm thông tin về thời gian học sinh mượn sách. Bạn hãy cho biết trường "Ngày mượn" trong bảng "MUON SÁCH" phải chọn kiểu dữ liệu nào?

- A. Short Text. B. Currency. C. Date/Time. D. Number.

Câu 6. Để thay đổi tên nhãn hiển thị của một trường trên biểu mẫu mà không làm đổi tên trường trong bảng gốc, ta cần chỉnh sửa thuộc tính nào?

- A. Default Value B. Name C. Caption D. Validation Rule

Câu 7. Khi thiết lập liên kết 1-n, bảng ở phía "1" thường là bảng chứa:

- A. Khóa chính. B. Khóa ngoại.
- C. Nhiều bản ghi. D. Dữ liệu thay đổi.

Câu 8. Để kết xuất danh sách học sinh gồm: *HoTen*, *NgaySinh*, *TenLop* từ hai bảng "HOC_SINH" và "LOP", nhưng kết quả chỉ hiển thị những học sinh sinh vào tháng 1 và sắp xếp tên theo thứ tự bảng chữ cái (A-Z), thao tác nào sau đây là **SAI**?

- A. Tại dòng Criteria của trường *NgaySinh*, nhập điều kiện: Month([NgaySinh]) = 1.
- B. Thiết lập liên kết giữa bảng "HOC_SINH" và "LOP" thông qua trường *MaLop*.
- C. Tại dòng Sort của trường *HoTen*, chọn chế độ Ascending.
- D. Tại dòng Show của tất cả các trường dữ liệu, bỏ chọn các ô đánh dấu tích.

Câu 9. Để quản lý việc mượn sách, bạn có bảng SACH và bảng BAN_DOC. Tại sao ta cần thêm một bảng trung gian MUON_SACH để liên kết hai bảng trên?

- A. Để giải quyết mối quan hệ nhiều - nhiều giữa Sách và Bạn đọc.
- B. Để giảm số lượng trường thông tin cần quản lý.
- C. Để hạn chế việc học sinh mượn quá nhiều sách một lúc.
- D. Để thay thế cho việc phải đặt khóa chính ở hai bảng kia.

Câu 10. Trong lưới thiết kế truy vấn (Query Design), hàng 'Criteria' được sử dụng để làm gì?

- A. Xác định xem trường đó có được hiển thị ở kết quả hay không.
- B. Nhập các điều kiện để lọc dữ liệu theo mong muốn.
- C. Đặt tên mới cho các trường dữ liệu trong kết quả truy vấn.
- D. Chọn thứ tự sắp xếp tăng dần hoặc giảm dần cho trường dữ liệu.

Câu 11. Tại sao mỗi bảng trong cơ sở dữ liệu quan hệ cần có ít nhất một trường được thiết lập làm khóa chính?

- A. Để tăng dung lượng lưu trữ cho tệp cơ sở dữ liệu.
- B. Để người dùng không thể xóa dữ liệu sau khi đã nhập vào.
- C. Để tự động sắp xếp các bản ghi theo thứ tự bảng chữ cái.
- D. Để đảm bảo mỗi bản ghi trong bảng là duy nhất và không bị trùng lặp hoàn toàn.

Câu 12. Trong chế độ thiết kế biểu mẫu (Design View), người dùng có thể thực hiện thao tác nào?

- A. Nhập dữ liệu mới vào các bản ghi của bảng.
- B. Thực thi các câu lệnh SQL để xóa bảng.
- C. Xem trước kết quả in ấn của toàn bộ cơ sở dữ liệu.
- D. Thay đổi vị trí, kích thước và định dạng của các điều khiển (controls).

Câu 13. Việc thiết lập khóa ngoài giữa các bảng trong CSDL quan hệ nhằm mục đích chính là gì?

- A. Để nén dung lượng của các bảng dữ liệu.
- B. Để tạo mối liên kết và đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.
- C. Để thay thế hoàn toàn vai trò của khóa chính.
- D. Để ngăn chặn người dùng xóa dữ liệu trong bảng.

Câu 14. Việc chọn đúng kiểu dữ liệu cho trường (ví dụ: Byte, Integer, Long Integer) nhằm mục đích chính là:

- A. Để phần mềm không bị treo.
- B. Giúp bảng đẹp hơn.
- C. Tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục.
- D. Tối ưu hóa dung lượng lưu trữ và tốc độ xử lý.

Câu 15. Trong quá trình thiết kế truy vấn bằng Query Design, thành phần "Table" ở lưới thiết kế dùng để làm gì?

- A. Chỉ định điều kiện lọc cho truy vấn.
- B. Chỉ định thứ tự sắp xếp tăng hoặc giảm dần.
- C. Chỉ định tên bảng chứa trường dữ liệu được chọn.
- D. Chỉ định hàm tính toán như Sum, Avg hoặc Count.

Câu 16. Bạn cần thiết lập trường "So_Dien_Thoai" cho bảng NHAN_VIEN. Cách chọn kiểu dữ liệu nào dưới đây là tối ưu nhất để đảm bảo không mất số 0 ở đầu?

- | | |
|-----------------------------|------------------------------------|
| A. Kiểu Number (Số). | B. Kiểu AutoNumber (Số tự động). |
| C. Kiểu Currency (Tiền tệ). | D. Kiểu Short Text (Văn bản ngắn). |

Câu 17. Sau khi đã hoàn thành việc thiết kế cấu trúc bảng, bạn chuyển sang chế độ nào để bắt đầu nhập dữ liệu?

- A. Design View B. Datasheet View C. SQL View D. Print Preview

Câu 18. Nguồn dữ liệu (Record Source) để tạo một truy vấn có thể là đối tượng nào?

- A. Có thể là các Bảng hoặc các Truy vấn khác.
B. Chỉ có thể là các Biểu mẫu (Forms).
C. Có thể là các Báo cáo (Reports) đã in.
D. Chỉ có thể là các Bảng (Tables).

Câu 19. Điều kiện bắt buộc để thiết lập liên kết giữa bảng "LOP" và bảng "HOC_SINH" là gì?

- A. Hai bảng phải có ít nhất một trường chung cùng kiểu dữ liệu.
B. Hai bảng phải có số lượng bản ghi bằng nhau.
C. Hai bảng phải có cùng khóa chính giống nhau.
D. Hai bảng phải được tạo ra trong cùng một ngày.

Câu 20. Trong cửa sổ thiết kế truy vấn, nếu bạn thiết lập sắp xếp (Sort) tăng dần cho trường "Lớp" và tiếp tục thiết lập sắp xếp tăng dần cho trường "Tên", hệ thống sẽ hiển thị dữ liệu như thế nào?

- A. Sắp xếp theo trường "Lớp"; nếu trùng lớp thì mới sắp xếp theo trường "Tên".
B. Ưu tiên sắp xếp theo trường "Tên" trước, sau đó mới đến trường "Lớp".
C. Xóa bỏ các bản ghi có cùng tên hoặc cùng lớp để đảm bảo tính duy nhất.
D. Chỉ sắp xếp theo trường "Lớp", trường "Tên" sẽ giữ nguyên thứ tự nhập liệu.

Câu 21. Bạn muốn liên kết bảng HOA_DON và bảng KHACH_HANG trong CSDL QLBANHANG. Trường nào sẽ là trường chung?

- A. TenKhachHang. B. MaHoaDon. C. NgayLap. D. MaKhachHang.

Câu 22. Thành phần nào trong câu lệnh SQL dùng để chỉ định các bảng chứa dữ liệu cần truy vấn?

- A. FROM B. GROUP BY C. WHERE D. SELECT

Câu 23. Để lọc các nhân viên có lương từ 10 đến 20 triệu, tại dòng Criteria của cột Luong, bạn nhập điều kiện nào?

- A. Luong = 10 TO 20 B. Luong IN (10, 20)
C. Luong BETWEEN 10000000 AND 20000000 D. Luong > 10 AND < 20

Câu 24. Trong Access, thuộc tính 'Field Size' của một trường kiểu Short Text có ý nghĩa gì?

- A. Quy định tổng số bản ghi tối đa mà bảng có thể chứa.
B. Quy định cỡ chữ khi in dữ liệu ra báo cáo.
C. Quy định số ký tự tối đa có thể nhập vào trường đó.
D. Quy định kích thước hiển thị của ô nhập liệu trên màn hình.

Câu 25. Trong cơ sở dữ liệu quan hệ, một 'trường' (field) được hiểu tương ứng với thành phần nào sau đây?

- A. Một mối liên kết giữa hai đối tượng khác nhau.
B. Toàn bộ nội dung của một tệp cơ sở dữ liệu.
C. Một cột trong bảng dữ liệu.
D. Một dòng chứa thông tin của một đối tượng.

Câu 26. Giả sử bạn cần tạo một biểu mẫu cho phép người dùng chọn Tên tỉnh từ một danh sách có sẵn thay vì tự gõ, bạn nên sử dụng điều khiển (Control) nào?

- A. Combo Box. B. Label. C. Check Box. D. Text Box.

Câu 27. Một trường tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác được gọi là:

- A. Khóa phụ. B. Khóa liên kết. C. Khóa ngoại. D. Khóa đại diện.

Câu 28. Trong các bước cơ bản để tạo một truy vấn dữ liệu, bước nào thường được thực hiện đầu tiên?

- A. Xóa toàn bộ dữ liệu trong các bảng nguồn để làm sạch bộ nhớ.
B. Chọn các bảng hoặc truy vấn khác làm nguồn dữ liệu.
C. Nhập các câu lệnh SQL phức tạp vào trình soạn thảo.
D. Thực hiện lệnh 'Run' để xem kết quả trả về.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Cho bảng NHAN_VIEN(MaNV, HoTen, NgaySinh, MaPhong). Xét các khẳng định:

- A. MaNV nên được chọn làm khóa chính vì nó là duy nhất.
B. MaPhong là khóa ngoại để liên kết với bảng PHONG_BAN.
C. Ta có thể nhập hai nhân viên có cùng MaNV nếu họ khác HoTen.
D. Kiểu dữ liệu của NgaySinh nên là Short Text để dễ nhập.

Câu 2: Xét về các bước cơ bản để tạo một truy vấn trong chế độ thiết kế (Design View) của Microsoft Access, các phát biểu sau đây là Đúng hay Sai?

- A. Bước đầu tiên khi tạo truy vấn là phải chọn nguồn dữ liệu (có thể là bảng hoặc các truy vấn khác).
B. Trong lưới thiết kế, ta bắt buộc phải chọn tất cả các trường từ bảng nguồn vào truy vấn để nó có thể hoạt động.
C. Thiết lập tiêu chí lọc (Criteria) là bước để xác định các điều kiện mà các bản ghi phải thỏa mãn để xuất hiện trong kết quả.
D. Để xem kết quả của truy vấn sau khi thiết kế, người dùng cần thực hiện lệnh Run (biểu tượng dấu chấm than màu đỏ).

Câu 3: Giả sử bạn có bảng LOP (Mã lớp, Tên lớp) và bảng HOC_SINH (Mã HS, Họ tên, Mã lớp). Khi thực hiện thiết lập và duy trì liên kết giữa hai bảng này:

- A. Trường Mã lớp trong bảng HOC_SINH bắt buộc phải có cùng kiểu dữ liệu với trường Mã lớp trong bảng LOP để có thể thiết lập liên kết.
B. Bạn có thể thay đổi giá trị Mã lớp của một lớp học trong bảng LOP một cách tự do ngay cả khi có nhiều học sinh trong bảng HOC_SINH đang tham chiếu đến mã lớp đó.
C. Liên kết giữa bảng LOP và HOC_SINH là mối quan hệ 1-n, nghĩa là một lớp có thể có nhiều học sinh nhưng mỗi học sinh chỉ thuộc về một lớp duy nhất.
D. Nếu không thiết lập liên kết giữa các bảng, chúng ta vẫn có thể đảm bảo dữ liệu giữa các bảng luôn nhất quán và không bao giờ xảy ra lỗi tham chiếu.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 203

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Truy vấn dữ liệu là gì?

- A. Là quá trình nhập dữ liệu mới vào bảng.
- B. Là việc tìm kiếm, sắp xếp và kết xuất dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng theo điều kiện.
- C. Là việc thay đổi cấu trúc của các trường trong bảng.
- D. Là việc tạo ra các liên kết giữa các bảng trong CSDL.

Câu 2. Biểu mẫu (Form) trong CSDL có vai trò chủ yếu là:

- A. Thực hiện các phép tính toán phức tạp giữa các bảng.
- B. Lưu trữ dữ liệu lâu dài thay cho bảng.
- C. Dùng để in ấn dữ liệu ra giấy.
- D. Tạo giao diện thuận tiện để nhập, sửa đổi và hiển thị dữ liệu.

Câu 3. Bạn có bảng LOP (MaLop là khóa chính) và bảng HOC_SINH (MaLop là khóa ngoài). Khi thiết lập liên kết, việc chọn "Enforce Referential Integrity" sẽ giúp ích gì?

- A. Giúp tăng tốc độ mở bảng khi dữ liệu quá lớn.
- B. Tự động xóa bảng LOP khi bảng HOC_SINH thay đổi.
- C. Ngăn chặn việc nhập một học sinh vào một lớp không tồn tại.
- D. Tự động sắp xếp học sinh theo thứ tự tên trong bảng.

Câu 4. Điểm khác biệt lớn nhất giữa chế độ Design View và Form View của một biểu mẫu là gì?

- A. Design View dùng để nhập liệu, Form View dùng để in ấn.
- B. Form View cho phép thay đổi font chữ, Design View thì không.
- C. Không có sự khác biệt về chức năng giữa hai chế độ này.
- D. Design View dùng để thiết kế cấu trúc, Form View dùng để làm việc với dữ liệu.

Câu 5. Khi thực hiện lọc dữ liệu trong một truy vấn với điều kiện kết hợp bằng từ khóa AND giữa hai trường, kết quả trả về sẽ bao gồm các bản ghi nào?

- A. Các bản ghi đồng thời thỏa mãn cả hai điều kiện đã thiết lập.
- B. Tất cả các bản ghi có trong bảng dữ liệu nguồn mà không cần điều kiện.
- C. Các bản ghi không thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào trong hai điều kiện đó.
- D. Các bản ghi chỉ cần thỏa mãn một trong hai điều kiện đã thiết lập.

Câu 6. Khi sử dụng công cụ Query Design để thiết kế truy vấn, thao tác nào sau đây được dùng để thực hiện việc chọn nguồn dữ liệu?

- A. Sử dụng hộp thoại Add Tables để chọn các bảng hoặc truy vấn cần thiết.
- B. Sử dụng lệnh Print Preview để xem trước các bảng dữ liệu có trong máy.
- C. Sử dụng lệnh Format để thay đổi kiểu hiển thị của các bản ghi dữ liệu.
- D. Sử dụng lệnh Save để lưu lại danh sách các trường dữ liệu hiện có.

Câu 7. Tại sao trường "Số thẻ căn cước" nên được thiết lập là kiểu Short Text thay vì Number?

- A. Để tiết kiệm bộ nhớ lưu trữ.
- B. Để hệ thống tự động tăng giá trị.
- C. Vì số thẻ căn cước có độ dài không cố định.
- D. Vì không dùng để tính toán và có thể chứa các ký số bắt đầu bằng 0.

Câu 8. Câu lệnh SQL nào sau đây được dùng để lấy ra trường [Họ tên HS] từ bảng có tên là 'HOC_SINH'?

A. FIND [Họ tên HS] IN HOC_SINH

B. GET [Họ tên HS] FROM HOC_SINH

C. SELECT ALL HOC_SINH

D. SELECT [Họ tên HS] FROM HOC_SINH

Câu 9. Bạn đang thiết kế Query để tìm các cuốn sách của tác giả "Tô Hoài". Tại dòng "Criteria" của cột "Tác giả", cách nhập nào sau đây là đúng quy định của Access đối với dữ liệu kiểu văn bản?

A. [Tô Hoài]

B. = Tô Hoài

C. Tô Hoài

D. "Tô Hoài"

Câu 10. Khi tạo bảng trong phần mềm CSDL, kiểu dữ liệu nào thường được dùng để lưu trữ ngày sinh của học sinh?

A. Number.

B. Short Text.

C. Date/Time.

D. Currency.

Câu 11. Khóa ngoài (Foreign Key) dùng để làm gì?

A. Dùng để xóa các bản ghi trùng lặp.

B. Dùng để thiết lập liên kết giữa các bảng.

C. Dùng để mã hóa dữ liệu của bảng.

D. Dùng để thay thế khóa chính khi khóa chính bị mất.

Câu 12. Thành phần nào trên biểu mẫu thường dùng để hiển thị tiêu đề tĩnh (không thay đổi)?

A. Text Box.

B. Combo Box.

C. Check Box.

D. Label.

Câu 13. Để lưu trữ thông tin về một mặt hàng bao gồm: Mã hàng (PK), Tên hàng, Đơn giá, Số lượng. Bạn nên thiết lập kiểu dữ liệu tương ứng lần lượt là:

A. Number, Short Text, Short Text, Currency.

B. Short Text, Short Text, Currency, Number.

C. AutoNumber, Long Text, Currency, Short Text.

D. Short Text, Number, Number, Currency.

Câu 14. Bạn đang thiết kế một truy vấn để tìm các mặt hàng có "Số lượng tồn" dưới 10 hoặc "Đơn giá" lớn hơn 5.000.000 trong bảng. Bạn nên đặt các điều kiện này như thế nào trong lưới thiết kế (Design Grid)?

A. Nhập cả hai điều kiện trên cùng một dòng Criteria của hai trường tương ứng.

B. Nhập điều kiện <10 ở dòng Criteria và điều kiện >5000000 ở dòng Or.

C. Nhập điều kiện <10 ở dòng Or và điều kiện >5000000 ở dòng Criteria.

D. Cả phương án B và C đều cho ra kết quả đúng theo yêu cầu bài toán

Câu 15. Trong câu lệnh SQL cơ bản, mệnh đề 'WHERE' được sử dụng nhằm mục đích gì?

A. Thiết lập các điều kiện để lọc ra những bản ghi thỏa mãn yêu cầu.

B. Xác định danh sách các cột sẽ xuất hiện trong kết quả.

C. Chỉ định tên các bảng chứa dữ liệu cần truy xuất.

D. Sắp xếp thứ tự hiển thị của các bản ghi từ thấp đến cao.

Câu 16. Khi tạo bảng trong CSDL, bước đầu tiên người dùng cần thực hiện là gì?

A. In ấn các biểu mẫu nhập liệu cho bảng.

B. Thiết lập mối liên kết giữa các bảng.

C. Nhập các bản ghi dữ liệu vào bảng.

D. Thiết kế cấu trúc các trường và kiểu dữ liệu.

Câu 17. Mục đích chính của việc thiết lập khóa chính cho một bảng là:

A. Để phân biệt duy nhất mỗi bản ghi trong bảng.

B. Để bảng có thể chứa nhiều dữ liệu hơn.

C. Để tự động sắp xếp dữ liệu theo thứ tự bảng chữ cái.

D. Để bảo mật nội dung của bảng dữ liệu.

Câu 18. Biểu tượng nào thường xuất hiện trên đường liên kết giữa hai bảng để thể hiện mối quan hệ Một - Nhiều trong Microsoft Access?

- A. Hai ký hiệu vô cực ở hai đầu.
- B. Số 1 và ký hiệu vô cực
- C. Hai số 1 ở hai đầu đường kẻ.
- D. Một dấu * và một dấu #.

Câu 19. Điều kiện cần thiết để thiết lập liên kết giữa hai bảng là:

- A. Hai bảng phải có tên gọi gần giống nhau.
- B. Hai bảng phải có ít nhất một trường chung có cùng kiểu dữ liệu.
- C. Hai bảng phải có cùng số lượng bản ghi.
- D. Hai bảng phải được tạo cùng một thời điểm.

Câu 20. Trong mô hình dữ liệu quan hệ, 'khóa ngoại' (foreign key) đóng vai trò gì?

- A. Dùng để liên kết dữ liệu giữa hai bảng thông qua việc tham chiếu đến khóa chính của bảng khác.
- B. Dùng để mã hóa dữ liệu giúp tăng cường bảo mật thông tin.
- C. Dùng để thay thế hoàn toàn cho khóa chính của bảng hiện tại.
- D. Là trường dữ liệu bắt buộc phải nhập số nguyên.

Câu 21. Trong cửa sổ thiết kế truy vấn (Query Design) của Microsoft Access, nguồn dữ liệu dùng để tạo một truy vấn mới có thể là những đối tượng nào?

- A. Chỉ bao gồm các biểu mẫu (Forms) đã được thiết kế sẵn.
- B. Bao gồm các bảng (Tables) hoặc các truy vấn (Queries) khác.
- C. Chỉ bao gồm các báo cáo (Reports) đã được kết xuất dữ liệu.
- D. Chỉ bao gồm các bảng (Tables) có trong cơ sở dữ liệu.

Câu 22. Khi tạo biểu mẫu nhập liệu cho bảng có khóa ngoại, điều khiển nào giúp người dùng chọn giá trị từ danh sách có sẵn thay vì nhập tay?

- A. Command Button.
- B. Image Control.
- C. Label.
- D. Combo Box (Hộp kết hợp).

Câu 23. Bạn thiết kế CSDL quản lý thư viện. Bảng SACH có trường NamXuatBan. Kiểu dữ liệu và ràng buộc nào là tối ưu?

- A. Date/Time, định dạng "yyyy".
- B. Short Text, độ dài tối đa 4.
- C. Number, giá trị phải lớn hơn 0.
- D. Cả A và C đều có thể áp dụng tùy theo mục đích thống kê.

Câu 24. Khi thiết kế biểu mẫu nhập liệu cho bảng "Diem_Thi", để đảm bảo giáo viên chỉ nhập điểm từ 0 đến 10, bạn nên sử dụng thuộc tính nào của ô nhập liệu?

- A. Format.
- B. Validation Rule.
- C. Default Value.
- D. Input Mask.

Câu 25. Giả sử bạn cần tạo một truy vấn để tìm các quyển sách có DonGia từ 50000 đến 100000. Tại dòng Criteria của cột DonGia, bạn nhập điều kiện nào?

- A. > 50000 AND < 100000
- B. BETWEEN 50000 AND 100000
- C. IN (50000, 100000)
- D. >= 50000 OR <= 100000

Câu 26. Trong CSDL, một hàng của bảng được gọi là gì?

- A. Thuộc tính (Attribute).
- B. Trường (Field).
- C. Bản ghi (Record).
- D. Kiểu dữ liệu (Data Type).

Câu 27. Liên kết giữa bảng LOP (Mã lớp là PK) và bảng HOC_SINH (Mã lớp là FK) thường là loại liên kết nào?

- A. Liên kết 1 - nhiều (1-n).
- B. Liên kết nhiều - nhiều (n-n).
- C. Liên kết vòng.
- D. Liên kết 1 - 1.

Câu 28. Để liên kết bảng TAC_GIA và bảng SACH, ta thực hiện thao tác nào trong cửa sổ Relationships?

- A. Kéo bảng SACH đè lên bảng TAC_GIA.
- B. Viết câu lệnh SQL LINK TAC_GIA TO SACH.
- C. Nhấp chuột phải vào bảng SACH chọn Link.
- D. Kéo thả khóa chính MaTG từ bảng TAC_GIA sang trường MaTG ở bảng SACH.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Khi tìm hiểu về khái niệm và mục đích của truy vấn (Query) trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access, các nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

- A. Kết quả của một truy vấn luôn được lưu trữ thành một bảng dữ liệu vật lý độc lập và không thay đổi khi dữ liệu nguồn thay đổi.
- B. Truy vấn dữ liệu là quá trình xóa bỏ vĩnh viễn các bản ghi không cần thiết trong các bảng nguồn.
- C. Một trong những mục đích chính của truy vấn là lọc ra các bản ghi thỏa mãn những điều kiện nhất định.
- D. Truy vấn dữ liệu có thể thực hiện các phép tính toán như tính tổng, trung bình cộng từ dữ liệu của các trường.

Câu 2: Trong quá trình thiết lập liên kết (Relationships) giữa bảng TAC_GIA và bảng SACH trong phần mềm CSDL:

- A. Sau khi đã thiết lập liên kết, bạn không thể thay đổi kiểu dữ liệu của các trường tham gia liên kết đó trừ khi xóa liên kết.
- B. Liên kết giúp đảm bảo rằng không thể nhập mã tác giả vào bảng SACH nếu mã đó chưa tồn tại trong bảng TAC_GIA (nếu bật Enforce Referential Integrity).
- C. Bạn có thể thiết lập liên kết ngay cả khi hai bảng không có trường chung.
- D. Thao tác thiết lập liên kết được thực hiện bằng cách kéo thả trường chung từ bảng này sang bảng kia.

Câu 3: Cho bảng MUON_SACH gồm các trường: MaMuon (Khóa chính), MaSach (Khóa ngoài), NgayMuon, SoLuong. Xét các phát biểu sau:

- A. Trường MaSach dùng để liên kết với bảng SACH.
- B. Một bảng bắt buộc phải có ít nhất hai khóa chính.
- C. Khóa chính giúp đảm bảo tính toàn vẹn và định danh duy nhất cho mỗi lượt mượn sách.
- D. Trường MaMuon có thể nhận giá trị trùng nhau nếu các bản ghi đó cùng ngày mượn.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 204

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Trong các bước cơ bản để tạo một truy vấn dữ liệu, bước nào thường được thực hiện đầu tiên?

- A. Chọn các bảng hoặc truy vấn khác làm nguồn dữ liệu.
- B. Thực hiện lệnh 'Run' để xem kết quả trả về.
- C. Nhập các câu lệnh SQL phức tạp vào trình soạn thảo.
- D. Xóa toàn bộ dữ liệu trong các bảng nguồn để làm sạch bộ nhớ.

Câu 2. Thành phần nào trong câu lệnh SQL dùng để chỉ định các bảng chứa dữ liệu cần truy vấn?

- A. SELECT
- B. GROUP BY
- C. WHERE
- D. FROM

Câu 3. Để thay đổi tên nhãn hiển thị của một trường trên biểu mẫu mà không làm đổi tên trường trong bảng gốc, ta cần chỉnh sửa thuộc tính nào?

- A. Name
- B. Caption
- C. Validation Rule
- D. Default Value

Câu 4. Khi thiết lập liên kết 1-n, bảng ở phía "1" thường là bảng chứa:

- A. Khóa chính.
- B. Khóa ngoại.
- C. Dữ liệu thay đổi thường xuyên.
- D. Nhiều bản ghi hơn.

Câu 5. Trong quá trình thiết kế truy vấn bằng Query Design, thành phần "Table" ở lưới thiết kế dùng để làm gì?

- A. Chỉ định điều kiện lọc cho truy vấn.
- B. Chỉ định hàm tính toán như Sum, Avg hoặc Count.
- C. Chỉ định thứ tự sắp xếp tăng hoặc giảm dần.
- D. Chỉ định tên bảng chứa trường dữ liệu được chọn.

Câu 6. Tại sao mỗi bảng trong cơ sở dữ liệu quan hệ cần có ít nhất một trường được thiết lập làm khóa chính?

- A. Để tăng dung lượng lưu trữ cho tệp cơ sở dữ liệu.
- B. Để tự động sắp xếp các bản ghi theo thứ tự bảng chữ cái.
- C. Để người dùng không thể xóa dữ liệu sau khi đã nhập vào.
- D. Để đảm bảo mỗi bản ghi trong bảng là duy nhất và không bị trùng lặp hoàn toàn.

Câu 7. Để tạo một nút nhấn trên biểu mẫu nhằm đóng biểu mẫu đó, bạn sử dụng công cụ nào?

- A. Label.
- B. Combo Box.
- C. Command Button.
- D. Subform.

Câu 8. Việc chọn đúng kiểu dữ liệu cho trường (ví dụ: Byte, Integer, Long Integer) nhằm mục đích chính là:

- A. Tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục.
- B. Giúp bảng đẹp hơn.
- C. Tối ưu hóa dung lượng lưu trữ và tốc độ xử lý.
- D. Để phần mềm không bị treo.

Câu 9. Nguồn dữ liệu (Record Source) để tạo một truy vấn có thể là đối tượng nào?

- A. Có thể là các Báo cáo (Reports) đã in.
- B. Có thể là các Bảng hoặc các Truy vấn khác.
- C. Chỉ có thể là các Biểu mẫu (Forms).
- D. Chỉ có thể là các Bảng (Tables).

Câu 10. Thư viện cần quản lý thêm thông tin về thời gian học sinh mượn sách. Bạn hãy cho biết trường "Ngày mượn" trong bảng "MUON_SACH" phải chọn kiểu dữ liệu nào?

- A. Short Text. B. Date/Time. C. Number. D. Currency.

Câu 11. Giả sử bạn cần tạo một biểu mẫu cho phép người dùng chọn Tên tỉnh từ một danh sách có sẵn thay vì tự gõ, bạn nên sử dụng điều khiển (Control) nào?

- A. Combo Box. B. Label. C. Check Box. D. Text Box.

Câu 12. Để quản lý việc mượn sách, bạn có bảng SACH và bảng BAN_DOC. Tại sao ta cần thêm một bảng trung gian MUON_SACH để liên kết hai bảng trên?

- A. Để giải quyết mối quan hệ nhiều - nhiều giữa Sách và Bạn đọc.
B. Để thay thế cho việc phải đặt khóa chính ở hai bảng kia.
C. Để hạn chế việc học sinh mượn quá nhiều sách một lúc.
D. Để giảm số lượng trường thông tin cần quản lý.

Câu 13. Để lọc các nhân viên có lương từ 10 đến 20 triệu, tại dòng Criteria của cột Luong, bạn nhập điều kiện nào?

- A. Luong = 10 TO 20 B. Luong BETWEEN 10000000 AND 20000000
C. Luong IN (10, 20) D. Luong > 10 AND < 20

Câu 14. Bạn muốn liên kết bảng HOA_DON và bảng KHACH_HANG. Trường nào sẽ là trường chung?

- A. NgayLap. B. MaHoaDon. C. MaKhachHang. D. TenKhachHang.

Câu 15. Trong chế độ thiết kế biểu mẫu (Design View), người dùng có thể thực hiện thao tác nào?

- A. Nhập dữ liệu mới vào các bản ghi của bảng.
B. Xem trước kết quả in ấn của toàn bộ cơ sở dữ liệu.
C. Thay đổi vị trí, kích thước và định dạng của các điều khiển (controls).
D. Thực thi các câu lệnh SQL để xóa bảng.

Câu 16. Trong câu lệnh SQL: SELECT HoTen FROM HOC_SINH WHERE MaHS = 1, thành phần WHERE đóng vai trò gì?

- A. Xác định các trường dữ liệu cần hiển thị.
B. Xác định điều kiện để lọc các bản ghi phù hợp.
C. Xác định thứ tự sắp xếp các bản ghi kết quả.
D. Xác định nguồn bảng chứa dữ liệu cần truy vấn.

Câu 17. Trong cơ sở dữ liệu quan hệ, một 'trường' (field) được hiểu tương ứng với thành phần nào sau đây?

- A. Toàn bộ nội dung của một tệp cơ sở dữ liệu.
B. Một cột trong bảng dữ liệu.
C. Một dòng chứa thông tin của một đối tượng.
D. Một mối liên kết giữa hai đối tượng khác nhau.

Câu 18. Trong cửa sổ thiết kế truy vấn, nếu bạn thiết lập sắp xếp (Sort) tăng dần cho trường "Lớp" và tiếp tục thiết lập sắp xếp tăng dần cho trường "Tên", hệ thống sẽ hiển thị dữ liệu như thế nào?

- A. Sắp xếp theo trường "Lớp"; nếu trùng lớp thì mới sắp xếp theo trường "Tên".
B. Xóa bỏ các bản ghi có cùng tên hoặc cùng lớp để đảm bảo tính duy nhất.
C. Ưu tiên sắp xếp theo trường "Tên" trước, sau đó mới đến trường "Lớp".
D. Chỉ sắp xếp theo trường "Lớp", trường "Tên" sẽ giữ nguyên thứ tự nhập liệu.

Câu 19. Điều kiện bắt buộc để thiết lập liên kết giữa bảng "LOP" và bảng "HOC_SINH" là gì?

- A. Hai bảng phải có ít nhất một trường chung cùng kiểu dữ liệu.
- B. Hai bảng phải có số lượng bản ghi bằng nhau.
- C. Hai bảng phải được tạo ra trong cùng một ngày.
- D. Hai bảng phải có cùng khóa chính giống nhau.

Câu 20. Sau khi đã hoàn thành việc thiết kế cấu trúc bảng, bạn chuyển sang chế độ nào để bắt đầu nhập dữ liệu?

- A. Datasheet View
- B. Print Preview
- C. Design View
- D. SQL View

Câu 21. Một trường tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác được gọi là:

- A. Khóa phụ.
- B. Khóa ngoại.
- C. Khóa liên kết.
- D. Khóa đại diện.

Câu 22. Việc thiết lập khóa ngoài giữa các bảng trong CSDL quan hệ nhằm mục đích chính là gì?

- A. Để tạo mối liên kết và đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.
- B. Để thay thế hoàn toàn vai trò của khóa chính.
- C. Để ngăn chặn người dùng xóa dữ liệu trong bảng.
- D. Để nén dung lượng của các bảng dữ liệu.

Câu 23. Đặc điểm nào sau đây mô tả đúng về mối liên kết một - một (1-1) giữa hai bảng A và B?

- A. Một bản ghi ở bảng A chỉ liên kết với tối đa một bản ghi ở bảng B và ngược lại.
- B. Nhiều bản ghi ở bảng A có thể cùng liên kết với một bản ghi duy nhất ở bảng B.
- C. Một bản ghi ở bảng A liên kết với nhiều bản ghi ở bảng B để tối ưu hóa dữ liệu.
- D. Các bản ghi ở hai bảng không cần có trường chung nhưng vẫn có thể liên kết.

Câu 24. Bạn cần thiết lập trường "So_Dien_Thoai" cho bảng NHAN_VIEN. Cách chọn kiểu dữ liệu nào dưới đây là tối ưu nhất để đảm bảo không mất số 0 ở đầu?

- A. Kiểu Currency (Tiền tệ).
- B. Kiểu Short Text (Văn bản ngắn).
- C. Kiểu AutoNumber (Số tự động).
- D. Kiểu Number (Số).

Câu 25. Để kết xuất danh sách học sinh gồm: *HoTen*, *NgaySinh*, *TenLop* từ hai bảng "HOC_SINH" và "LOP", nhưng kết quả chỉ hiển thị những học sinh sinh vào tháng 1 và sắp xếp tên theo thứ tự bảng chữ cái (A-Z), thao tác nào sau đây là **SAI**?

- A. Tại dòng Sort của trường *HoTen*, chọn chế độ Ascending.
- B. Thiết lập liên kết giữa bảng "HOC_SINH" và "LOP" thông qua trường *MaLop*.
- C. Tại dòng Criteria của trường *NgaySinh*, nhập điều kiện: Month([NgaySinh]) = 1.
- D. Tại dòng Show của tất cả các trường dữ liệu, bỏ chọn các ô đánh dấu tích.

Câu 26. Đối tượng 'Biểu mẫu' (Form) trong cơ sở dữ liệu quan hệ chủ yếu phục vụ mục đích gì?

- A. Lưu trữ dữ liệu vĩnh viễn trong bộ nhớ máy tính.
- B. Tạo giao diện thuận tiện cho việc nhập, sửa đổi và hiển thị dữ liệu.
- C. Tính toán các số liệu thống kê phức tạp để in ra giấy.
- D. Thiết lập các quyền truy cập hệ thống cho quản trị viên.

Câu 27. Trong lưới thiết kế truy vấn (Query Design), hàng 'Criteria' được sử dụng để làm gì?

- A. Đặt tên mới cho các trường dữ liệu trong kết quả truy vấn.
- B. Xác định xem trường đó có được hiển thị ở kết quả hay không.
- C. Chọn thứ tự sắp xếp tăng dần hoặc giảm dần cho trường dữ liệu.
- D. Nhập các điều kiện để lọc dữ liệu theo mong muốn.

Câu 28. Trong Access, thuộc tính 'Field Size' của một trường kiểu Short Text có ý nghĩa gì?

- A. Quy định kích thước hiển thị của ô nhập liệu trên màn hình.
- B. Quy định cỡ chữ khi in dữ liệu ra báo cáo.
- C. Quy định tổng số bản ghi tối đa mà bảng có thể chứa.
- D. Quy định số ký tự tối đa có thể nhập vào trường đó.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Xét về các bước cơ bản để tạo một truy vấn trong chế độ thiết kế (Design View) của Microsoft Access, các phát biểu sau đây là Đúng hay Sai?

- A. Thiết lập tiêu chí lọc (Criteria) là bước để xác định các điều kiện mà các bản ghi phải thỏa mãn để xuất hiện trong kết quả.
- B. Trong lưới thiết kế, ta bắt buộc phải chọn tất cả các trường từ bảng nguồn vào truy vấn để nó có thể hoạt động.
- C. Để xem kết quả của truy vấn sau khi thiết kế, người dùng cần thực hiện lệnh Run (biểu tượng đầu chấm than màu đỏ).
- D. Bước đầu tiên khi tạo truy vấn là phải chọn nguồn dữ liệu (có thể là bảng hoặc các truy vấn khác).

Câu 2: Giả sử bạn có bảng LOP (Mã lớp, Tên lớp) và bảng HOC_SINH (Mã HS, Họ tên, Mã lớp). Khi thực hiện thiết lập và duy trì liên kết giữa hai bảng này:

- A. Nếu không thiết lập liên kết giữa các bảng, chúng ta vẫn có thể đảm bảo dữ liệu giữa các bảng luôn nhất quán và không bao giờ xảy ra lỗi tham chiếu.
- B. Trường Mã lớp trong bảng HOC_SINH bắt buộc phải có cùng kiểu dữ liệu với trường Mã lớp trong bảng LOP để có thể thiết lập liên kết
- C. Liên kết giữa bảng LOP và HOC_SINH là mối quan hệ 1-n, nghĩa là một lớp có thể có nhiều học sinh nhưng mỗi học sinh chỉ thuộc về một lớp duy nhất.
- D. Bạn có thể thay đổi giá trị Mã lớp của một lớp học trong bảng LOP một cách tự do ngay cả khi có nhiều học sinh trong bảng HOC_SINH đang tham chiếu đến mã lớp đó.

Câu 3: Cho bảng NHAN_VIEN(MaNV, HoTen, NgaySinh, MaPhong). Xét các khẳng định:

- A. Kiểu dữ liệu của NgaySinh nên là Short Text để dễ nhập.
- B. MaNV nên được chọn làm khóa chính vì nó là duy nhất.
- C. MaPhong là khóa ngoại để liên kết với bảng PHONG_BAN.
- D. Ta có thể nhập hai nhân viên có cùng MaNV nếu họ khác HoTen.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYỀN MỘC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TIN HỌC - LỚP 11
Thời gian làm bài: 45 phút

HƯỚNG DẪN CHẤM

Mã đề: 201

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.*

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	8	D	15	B	22	D
2	B	9	C	16	C	23	C
3	D	10	A	17	A	24	C
4	B	11	D	18	D	25	B
5	D	12	B	19	C	26	B
6	B	13	C	20	A	27	B
7	A	14	B	21	C	28	B

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
29	S	Đ	S	Đ
30	S	Đ	Đ	S
31	S	Đ	Đ	Đ

Mã đề: 202

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.*

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	8	D	15	C	22	A
2	D	9	A	16	D	23	C
3	B	10	B	17	B	24	C
4	B	11	D	18	A	25	C
5	C	12	D	19	A	26	A
6	C	13	B	20	A	27	C
7	A	14	D	21	D	28	B

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
29	Đ	Đ	S	S
30	Đ	S	Đ	Đ
31	Đ	S	Đ	S

Mã đề: 203

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	8	D	15	A	22	D
2	D	9	D	16	D	23	D
3	C	10	C	17	A	24	B
4	D	11	B	18	B	25	B
5	A	12	D	19	B	26	C
6	A	13	B	20	A	27	A
7	D	14	D	21	B	28	D

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
29	S	S	Đ	Đ
30	Đ	Đ	S	Đ
31	Đ	S	Đ	S

Mã đề: 204

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	8	C	15	C	22	A
2	D	9	B	16	B	23	A
3	B	10	B	17	B	24	B
4	A	11	A	18	A	25	D
5	D	12	A	19	A	26	B
6	D	13	B	20	A	27	D
7	C	14	C	21	B	28	D

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
29	Đ	S	Đ	Đ
30	S	Đ	Đ	S
31	S	Đ	Đ	S